

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **16/2020/HSST**.

Ngày: 06/5/2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Võ Thị Mai.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhị, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc:* Ông Nguyễn Văn Khánh
- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2020/HSST, ngày 18 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2020/QĐST-HS, ngày 14/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Y Đ Niê**, sinh ngày: 13/8/2001; Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn V, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 1/12.Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Y B1 Niê (tên gọi khác: Y Bđ

Niê), sinh năm 1960 và con bà Phạm Thị H, sinh năm 1968. Gia đình bị cáo có 03 chị em ruột, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Nhân thân bị cáo: Từ nhỏ đến lớn sống với bố mẹ và ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 28/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 28/9/2019 tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Y Đ Niê bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 19/12/2019, đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

+ Người bào chữa cho bị cáo Y Đ Niê: Ông Hoàng Văn C: Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 39 Lý Thường K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 28/9/2019, Y Đ Niê đi làm tại vườn chuối của Công ty KD Green Farm thuộc thôn V, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị cáo nghỉ đi về, trên đường về Y Đ phát hiện xe mô tô biển số 47M1-457.09 dựng ở ngoài vườn chuối, không có người trông coi và không có chìa khóa xe nên Y Đ đã dùng 01 con dao thái lan cắt dây điện bình của xe rồi điều khiển xe đến thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi do có hẹn với Y Th từ trước (Không xác định được nhân thân lai lịch) nên Y Đ điều khiển xe đến quán cà phê tại ngã 5 xã S, thị xã H gặp Y Th và cùng uống cà phê, Y Th hỏi mượn xe nên Y Đ giao xe mô tô biển số 47M1- 457.09 cho Y Th đi khoảng 30 phút thì quay lại và tiếp tục ngồi uống cà phê cùng Y Đ. Khi uống xong cà phê, Y Đ rủ Y

Th vào Trung tâm thị xã H. Khi đến khu vực chợ thị xã H bị Cảnh sát giao thông Công an thị xã H ra hiệu lệnh dừng xe và yêu cầu xuất trình giấy tờ xe nhưng Y Đ không xuất trình được nên Cảnh sát giao thông Công an thị xã H đã lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ xe mô tô.

Ngày 29/9/2019, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975, cư trú tại thôn V, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47M1-457.09 làm đơn gửi đến Công an xã V báo việc mất tài sản.

Ngày 22/11/2019, Công an thị xã H, tỉnh Đắk Lắk đã bàn giao xe mô tô biển số 47M1-457.09 và hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Đắk Lắk để điều tra theo quy định của pháp luật.

Bản kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐG ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Pắc, kết luận: 01 xe mô tô biển số 47M1-457.09, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: Đen-Xanh, số máy 5C6H219886, số khung RLCS5C6H0GY219879, giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại là 13.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Y Đ Niê thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số 11/KSĐT-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đã công bố, cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Y Đ Niê và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Y Đ Niê phạm tội: Trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 5; Khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự (BLHS), xử phạt bị cáo Y Đ Niê mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp với bản án số 02/2019/HSST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kon Tum, buộc bị cáo Y Đ Niê phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả xe mô tô biển số 47M1- 457.09 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: Đen-Xanh, số máy 5C6H219886, số khung RLCS5C6H0GY219879 cho bà Nguyễn Thị Thanh là chủ sở hữu.

+ Đối với con dao Thái Lan bị cáo Y Đ dùng để cắt dây điện bình xe mô tô biển số 47M1- 457.09 của bà T, trên đường đi từ xã V đến thị xã H bị cáo đã đánh rơi ở đoạn nào Y Đ không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không thể truy tìm được nên không đề cập để xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự nên không đề cập để giải quyết.

+ Đối với Y Th là người đi cùng và mượn chiếc xe mô tô biển số 47M1- 457.09 do Y Đ Niê trộm cắp mà có, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Y Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

- Ông Hoàng Văn C, trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo Y Đ Niê trình bày: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Y Đ, Viện Kiểm sát truy tố bị cáo Y Đ Niê phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp nên trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và tài sản trộm cắp đã trả lại cho người bị hại. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo mức án thấp hơn khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Y Đ Niê không bổ sung gì thêm đối với lời bào chữa của luật sư và không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Ngày 28/02/2019, Y Đ Niê bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên đến ngày 28/9/2019 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian thử thách. Vì vậy Viện kiểm sát (VKS) huyện Krông Pắc đề nghị mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức đề nghị hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Y Đ Niê.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài Liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại (Khai tại cơ quan điều tra) và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn khách quan. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Y Đ Niê phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bà Nguyễn Thị T trái pháp luật. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương.

Về ý thức: Bị cáo là công dân đủ tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và hoàn toàn nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là trái pháp luật, hành vi đó sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, xem thường tài sản của người khác, chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại không muốn bỏ sức lao động nên vào khoảng 15 giờ, ngày 28/9/2019 bị cáo Y Đ Niê đã lấy trộm xe mô tô biển số 47M1-457.09, hậu quả gây thiệt hại giá trị về tài sản cho bà Nguyễn Thị T 13.000.000 đồng. Do vậy cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên xét về nhân thân: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình

độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; Hành vi phạm tội của bị cáo gây hậu quả không lớn; Người bị hại bà Nguyễn Thị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy HĐXX áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Xét thấy tại bản án số 02/2019/HSST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo Y Đ Niê 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (28/02/2019), tuy nhiên đến ngày 28/9/2019 bị cáo tiếp tục phạm tội.

Khoản 5 Điều 65 BLHS quy định: “Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này”.

Như vậy, trong thời gian thử thách (Bị cáo Y Đ Niê mới chấp hành thời gian thử thách của bản án được 7 tháng) bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. HĐXX, căn cứ khoản 5 Điều 65 BLHS chuyển 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án số 02/2019/HSST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum thành 06 tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành. Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án để buộc bị cáo Y Đ Niê phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[4] Xét thấy ngày 28/02/2019, bị cáo Y Đ Niê bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo là người chưa thành niên. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS quy định:

1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một

trong các trường hợp sau đây:

b. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;

Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên, đối chiếu với bản án số 02/2019/HSST ngày 28/02/2019 thì Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum tuyên phạt bị cáo Đ Niê về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS có mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy bị cáo Y Đ Niê được coi là không có án tích nên HĐXX không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 (Tái phạm) BLHS đối với bị cáo Y Đ Niê là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với Y Th là người đi cùng Y Đ Niê và mượn chiếc xe mô tô biển số 47M1- 457.09 do Y Đ Niê trộm cắp mà có. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Y Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả xe mô tô biển số 47M1- 457.09 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: Đen-Xanh, số máy 5C6H219886, số khung RLCS5C6H0GY219879 cho bà Nguyễn Thị T là chủ sở hữu, như biên bản giao trả vật chứng lập ngày 31/12/2019.

+ Đối với con dao Thái Lan bị cáo Y Đ dùng để cắt dây điện bình xe mô tô biển số 47M1- 457.09 của bà T. Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không thu giữ được nên không đề cập để xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Xét lời khai người bị hại bà Nguyễn Thị T cho rằng: Ngày 28/9/2019 bà T

còn bị mất một số giấy tờ như: Giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe mô tô mang tên Nguyễn Thị T và số tiền 2.800.000đ. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Y Đ Niê không thừa nhận trộm cắp số tài sản trên của bà T. Người bị hại bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.800.000 đồng và số giấy tờ trên nên HĐXX không đề cập để giải quyết.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Y Đ Niê phạm tội Trộm cắp tài sản, đề xuất mức hình phạt, phân trách nhiệm dân sự, phân xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[10] Xét quan điểm của luật sư đề nghị HĐXX cho bị cáo Y Đ Niê hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt của viện kiểm sát đề nghị, HĐXX xét thấy: Trong thời gian thử thách, TAND huyện Đ, tỉnh Kon Tum giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục bị cáo, đáng lẽ ra bị cáo phải có ý thức chấp hành pháp luật, rèn luyện bản thân. Bị cáo không làm được điều đó mà tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo. Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo Y Đ Niê hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt của viện kiểm sát đề nghị là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Y Đ Niê phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Khoản 2 Điều 47; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 65, điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật hình sự; Điểm b

khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Y Đ Niê phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Y Đ Niê 01 (Một) năm tù.

Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp với bản án số 02/2019/HSST, ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo Y Đ Niê 06 tháng tù. Buộc bị cáo Y Đ Niê phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/12/2019.

- Về vật chứng vụ án:

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả xe mô tô biển số 47M1- 457.09 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: Đen-Xanh, số máy 5C6H219886, số khung RLCS5C6H0GY219879 cho bà Nguyễn Thị T là chủ sở hữu, như biên bản giao trả vật chứng lập ngày 31/12/2019.

+ Đối với con dao Thái Lan bị cáo Y Đ dùng để cắt dây điện bình xe mô tô biển số 47M1- 457.09 của bà T. Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không thu giữ được nên không đề cập để xử lý.

+ Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Buộc bị cáo Y Đ Niê phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Y Đ Niê được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Công an huyện P;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người liên quan; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Thị Mai